

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲNH PHỤ
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2021/HS-ST

Ngày 11/3/2021

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Doanh

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Bà Nguyễn Thị Huê

+ Ông Nguyễn Văn Diệu

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 07/2021/TLST-HS ngày 02 tháng 02 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2021/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 02 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Phạm Hồng P, sinh ngày 18/7/1984

Nơi cư trú: thôn T, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phạm Minh P1, sinh năm 1957 và bà: Phạm Thị X1, sinh năm 1959; vợ: Vũ Minh T2, sinh năm 1983; có 01 con sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Bản án số 06/2015/HSST ngày 04/2/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xử phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, theo khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999, đã chấp hành xong toàn bộ bản án ngày 01/02/2016. Quyết định số 181/QĐ-XPHC ngày 14/9/2018, Công an huyện Q xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.500.000 đồng, hành vi đánh bạc, thi hành xong quyết định ngày 21/9/2018. Bị bắt tạm giữ từ ngày 26/11/2020 đến ngày 29/11/2020 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt tại phiên tòa).

2. Phạm Văn D, sinh ngày 04/10/1973

Nơi cư trú: thôn T, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phạm Văn N (đã chết), sinh năm 1953 và bà: Vũ Thị L, sinh năm 1953; vợ: Trần Thị H1, sinh năm 1974; có 02 con: Lớn sinh năm 1996, nhỏ sinh năm 2004; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Còn nhỏ được gia đình nuôi ăn học hết 7/12. Tháng 2 năm 1991 nhập ngũ đến tháng 9 năm 1993 xuất ngũ về địa phương. Quá trình sinh sống chưa có vi phạm pháp luật. Bị bắt tạm giữ từ ngày 26/11/2020 đến ngày 29/11/2020 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt tại phiên tòa).

3. Bùi Thanh T, sinh ngày 02/11/1982

Nơi cư trú: thôn T, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Bùi Văn Ch, sinh năm 1953. Ngày 01/4/1997, ông Ch được Chủ tịch nước tặng Huy chương kháng chiến hạng nhì và bà: Trần Thị M, sinh năm 1953; vợ: Diệp Thị Y, sinh năm 1988; có 02 con: Lớn sinh năm 2014, nhỏ sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không. Bị bắt tạm giữ từ ngày 26/11/2020 đến ngày 29/11/2020 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt tại phiên tòa).

4. Phạm Văn Đ, sinh ngày 05/02/1976

Nơi cư trú: thôn T, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phạm Văn N1 (đã chết), sinh năm 1953 và bà: Vũ Thị L1, sinh năm 1953; vợ: Phạm Thị H3, sinh năm 1985; có 03 con: Lớn sinh năm 2006, nhỏ nhất sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không. Bị bắt tạm giữ từ ngày 26/11/2020 đến ngày 29/11/2020 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt tại phiên tòa).

5. Nguyễn Văn X, sinh năm 1970

Nơi cư trú: thôn T, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn Ch1, sinh năm 1930. Ngày 01/4/1997 và 13/3/2001, ông Ch1 được Chủ tịch nước tặng Huy chương kháng chiến hạng nhì và bà: Phạm Thị Thoa, sinh năm 1929; vợ: Phạm Thị T3 sinh năm 1973; có 02 con: Lớn sinh năm 1992, nhỏ sinh năm 1994; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Còn nhỏ được gia đình nuôi ăn học hết 12/12. Tháng 3 năm 1989 nhập ngũ đến tháng 8 năm 1992 xuất ngũ về địa phương. Từ tháng 8/2002 đến ngày 22/11/2020 là Công an viên Công an xã A, huyện Q. Ngày 27/11/2018, được Bộ trưởng Bộ Công an tặng Kỷ niệm chương bảo vệ an ninh tổ quốc. Quá trình sinh sống chưa có vi phạm pháp luật. Bị bắt tạm giữ từ ngày 26/11/2020 đến ngày 29/11/2020 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt tại phiên tòa)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Anh Trần Công V, sinh năm 1984;

Trú tại: thôn T, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình

(có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do gia đình đã chuyển khẩu đến Thành phố Hà Nội sinh sống nên ông Phạm Văn B có nhờ Phạm Văn D (hàng xóm liền kề) trông coi, quản lý hộ căn nhà cấp 4 ở thôn T, xã A, huyện Q. D đồng ý và có sử dụng một phần diện tích sân phía trước nhà ông B để làm lán sản xuất hương. D và Phạm Văn Đ là anh em ruột và đều có quan hệ quen biết với Nguyễn Văn X, Bùi Thanh T, Phạm Hồng P và anh Trần Công V. Khoảng 19 giờ ngày 25/11/2020, T trên đường đi chơi gặp D đứng ở cổng nên hỏi: “*Tối có gì thì gọi em*”. Hiểu ý T hỏi tối có đánh bạc thì gọi T nên D đồng ý. Đến 19 giờ 16 phút, D nhận cuộc điện thoại từ số thuê bao 0977126450 của X gọi đến hỏi: “*Có đánh bạc không?*”. D đáp: “*Để gọi người đã*”. Sau đó, D sử dụng chiếc điện thoại nhãn hiệu Huawei, lắp sim thuê bao số 0915796622 gọi đến số thuê bao 0975405507 của anh V1 nói: “*Có X, T đấy*”. Hiểu ý D bảo đến đánh bạc, anh V1 đáp: “*Đợi em tý, 15 phút*”. Đến 19 giờ 30 phút, T sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 Plus màu hồng, tài khoản zalo có tên “Bui Thanh Truong”, đăng ký số thuê bao 0983682896, nhắn tin tới tài khoản zalo có tên “D T” của D hỏi: “*Jio sao a*”. D nhắn lại: “*Lên đi em*” “*Đâu rồi*”. Đến 19 giờ 37 phút, X gọi điện lại cho D hỏi “*Có đủ người chưa*”. D đáp: “*Cứ đến đi*”. D đi ra quán tạp hóa gần nhà mua 01 bộ bài tú lơ khơ 52 lá về để trên mặt tủ trong nhà ông B làm công cụ đánh bạc. Khoảng 19 giờ 41 phút, P sử dụng chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A6, sim thuê bao số 0969356078 gọi rủ anh V1 đi uống cà phê. Trong lúc nói chuyện, anh V1 có bảo: “*Mày có đến nhà ông B đánh bạc thì đến*”. P đáp: “*Có đánh*”. Đến khoảng 19 giờ 45 phút, Đồng từ nhà đi bộ đến lán hương của D ở sân nhà ông B ngồi chơi. Trong khoảng thời gian từ 20 giờ đến 20 giờ 15 phút, X, T, P lần lượt đến vào ngồi chơi, uống nước cùng với D, Đồng. Đến 20 giờ 50 phút, X đứng dậy nói: “*Đủ rồi, vào thôi*”. Đồng, P, T đồng ý cùng D, X đi vào phòng khách nhà ông B. T cầm chiếc chiếu cói có sẵn trên giường trải xuống giữa nền phòng. Đồng nhặt bộ bài tú lơ khơ trên mặt tủ rồi cùng với X, P, T ngồi quây tròn trên chiếu, theo chiều quay kim đồng hồ, thứ tự từ cửa vào đầu tiên là P tiếp đến là Đồng, T, X. D đi pha ấm nước chè để xuống chiếu rồi lên giường ngồi. T cầm bộ bài tú lơ khơ lên nói: “*Đánh phỏm nhé*”. X, Đồng, P đồng ý. Tất cả thống nhất người được “*ù*” sẽ trích ra 50.000đồng (tiền hò) cho D. D đồng ý, nằm xem chờ thu tiền hò. T là người chia ván bạc đầu tiên. Hình thức chơi và cách tính thắng thua mỗi ván bạc như sau: T cầm bộ bài trộn rồi lần lượt chia theo chiều

quay kim đồng hồ cho mỗi người chín lá bài, T được 10 lá bài. Số lá bài còn lại úp xuống chiếu để người chơi bốc (gọi là bài nọc). Người chơi nhặt các lá bài lên. Người chia được quyền đánh lá bài đầu tiên cho người ngồi liền kề bên trái. Người liền kề có thể “ăn” hoặc không “ăn” lá bài, nếu “ăn” thì lá bài này và các lá bài trên tay phải tạo thành phỏm (phỏm gồm ít nhất 03 lá bài cùng điểm, cùng chất liên tiếp như: 03 lá bài A, 04 lá bài 2, các lá bài 8,9,10, J cùng chất...) rồi đánh đi 01 lá bài cho người ngồi kế tiếp; nếu không “ăn” thì phải bốc 01 lá bài ở dưới “nọc” rồi đánh đi 01 lá bài. Trong ván bạc tại bất kỳ thời điểm nào một trong số bốn người chơi có ba phỏm thì người đó “ù”. Lúc này, ba người chơi phải trả cho người “ù” số tiền 300.000 đồng/01 người. Nếu không có người “ù” thì khi kết thúc, người chơi phải hạ hết “phỏm” rồi tính tổng số điểm các lá bài còn lại, vị trí nhất, nhì, ba, tư tỷ lệ nghịch với số điểm. Cách tính điểm các lá bài như sau: Các lá bài từ A, 2, 3... đến K tương ứng với số điểm từ 1, 2, 3.. đến 13. Số tiền người chơi xếp thứ nhì, ba, tư phải trả cho người nhất tương ứng là 50.000 đồng, 100.000 đồng, 150.000 đồng. Người về nhất được thu tất. Kết thúc ván bạc nếu ai không có phỏm (cháy) thì phải trả cho người về nhất số tiền 200.000 đồng. Từ vòng bốc bài thứ tư nếu ai đánh để cho người ngồi kế tiếp “ăn” một lá bài (chốt hạ) thì phải trả số tiền 200.000 đồng cho người ăn chốt hạ. Kết thúc ván bạc, người về nhất được chia và đánh lá bài đầu tiên của lượt chơi tiếp theo. Quá trình đánh bạc, P, Đồng, T mỗi người “ù” một ván, nên đã trích ra được tổng số tiền là 150.000 đồng (tiền hồ) để trên chiếu cho D. Anh V1 sau khi nghe điện của P thì đi lên thị trấn A, huyện Q uống nước đến 21 giờ 50 phút quay về nhà D thấy cổng khóa nên có gọi điện thoại cho P bảo ra mở cổng cho vào. P bảo D ra mở cổng. Anh V1 vào ngồi ở ghế nhựa phía sau xem T, P, Đ, X đánh bạc. Các bị cáo đánh bạc đến 23 giờ cùng ngày thì bị Công an phát hiện, bắt quả tang, thu giữ toàn bộ vật chứng như đã nêu ở trên. Thu giữ tại chỗ 01 chiếu cói cũ; 01 bộ bài tú lơ khơ 52 lá; số tiền đánh bạc 5.700.000đồng và 150.000đồng tiền “hồ” nộp cho Phạm Văn D. Quản lý trên người các bị cáo tổng số tiền 1.280.000đồng. Trong đó: Phạm Hồng P 800.000 đồng; Bùi Thanh T: 430.000 đồng; Phạm Văn Đ 50.000 đồng. Quản lý của Nguyễn Văn X 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo, màu đen, lắp sim thuê bao số 0977126450; Phạm Văn D 01 điện thoại nhãn hiệu Huawei, màu xanh, lắp sim thuê bao số 0915796622; Bùi Thanh T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6Plus, màu hồng, lắp sim thuê bao số 0983682896; Phạm Hồng P 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A6, lắp sim thuê bao số 0969356078; Trần Công V 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, bàn phím màu đen, lắp sim thuê bao số 0975405507.

Quá trình điều tra, truy tố, Phạm Văn D khai do muốn thu lợi bất chính (tiền hồ) nên đã thông tin, chuẩn bị công cụ (bộ bài) và sử dụng địa điểm được gửi trông coi, quản lý là nhà của ông Phạm Văn B cho các bị cáo ngồi đánh bạc; quá trình đánh

bạc có P, Đ, T mỗi người “ù” một ván, trích ra được là 150.000 đồng (tiền hồ) để trên chiếu nhưng D chưa cầm thì bị phát hiện bắt giữ. Phạm Hồng P khai số tiền đánh bạc khoảng 3.500.000 đồng, khi bắt bị quản lý số tiền trên người là 800.000 đồng. Bùi Thanh T khai số tiền đánh bạc khoảng 2.500.000 đồng, khi bắt trên người có 430.000 đồng. Phạm Văn Đ khai số tiền đánh bạc khoảng 1.500.000 đồng, khi bắt bị quản lý số tiền trên người là 50.000 đồng. Nguyễn Văn X khai số tiền đánh bạc khoảng 600.000 đồng, khi bắt không có tiền trên người. Như vậy, tổng số tiền các bị cáo khai sử dụng đánh bạc là 8.100.000 đồng nhiều hơn số tiền thu tại chiếu bạc và trên người các bị cáo là 970.000 đồng. Tuy nhiên, các bị cáo đều khai không nhớ được cụ thể số tiền mang theo, tiền thắng hoặc thua bạc, đều thừa nhận tiền thu tại vị trí chiếu và trên người là toàn bộ tiền đánh bạc và tiền hồ. Quá trình đánh bạc không có ai cầm cố tài sản, giúp sức canh coi, cảnh giới cho việc đánh bạc.

Cáo trạng số 17/CT-VKSQP ngày 02/02/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình đã truy tố Nguyễn Văn X, Phạm Hồng P, Bùi Thanh T, Phạm Văn Đ và Phạm Văn D về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Văn X, Phạm Hồng P, Bùi Thanh T, Phạm Văn Đ, Phạm Văn D và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Trần Công V khai nhận toàn bộ hành vi như đã nêu trong bản Cáo trạng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo về tội danh đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; các Điều 17, 50, 58; 38 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Phạm Hồng P 09 đến 12 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án được trừ đi 03 ngày bị tạm giữ (26/11/2020-29/11/2020).

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 17, 50, 58; khoản 1, khoản 2 Điều 65 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Phạm Văn D từ 09 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Phạm Văn D cho Ủy ban nhân dân xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 17, 50, 58, 36 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Bùi Thanh T. Đề nghị xử phạt bị cáo Bùi Thanh T mức án 18 tháng đến 24 tháng cải tạo không giam giữ. Thời gian chấp hành hình phạt đối với bị cáo Bùi Thanh T tính từ ngày UBND xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo Bùi Thanh T cho UBND xã A giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không

giám giữ. Thời gian bị cáo Bùi Thanh T bị tạm giữ (từ 26/11/2020 đến 29/11/2020) được trừ vào thời gian cải tạo không giam giữ, cứ mỗi ngày bị tạm giữ bằng ba ngày cải tạo không giam giữ. Không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo T.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; các Điều 17, 50, 58, 35 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Phạm Văn Đ và Nguyễn Văn X. Áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn X. Đề nghị xử phạt tiền đối bị cáo Đồng, X. Trong đó xử phạt bị cáo Đồng 25.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng; bị cáo X: 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng.

+ Đề nghị áp dụng khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự, đề nghị phạt bổ sung 03 bị cáo Phạm Hồng P, Phạm Văn D, Bùi Thanh T, mỗi bị cáo số tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng để nộp Ngân sách nhà nước.

Ngoài ra, Đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị về xử lý vật chứng và án phí đối với các bị cáo.

Trong phần tranh luận các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không tranh luận với Kiểm sát viên. Các bị cáo nói lời sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quyết định tố tụng, hành vi tố tụng: Quyết định tố tụng, hành vi tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác đều không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Xét thấy, lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố (Bút lục số từ 246-355); phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Q lập hồi 23 giờ 05 phút ngày 25/11/2020 tại nhà của ông Phạm Văn B, sinh năm 1949, ở thôn T, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình (bút lục số 01 - 06); các biên bản niêm P đồ vật, tài liệu do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Q lập ngày 26/11/2020 tại nhà của ông Phạm Văn B ở thôn T, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình (bút lục số 22 - 24); Các biên bản về việc mở, kiểm tra điện thoại di động của Nguyễn Văn X, Bùi Thanh T, Phạm Văn D, Phạm Hồng P và anh

Trần Công V do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Q lập ngày 26/11/2020 tại Công an huyện Q (bút lục số 25 - 49); Biên bản xác minh do Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Q lập ngày 27/11/2020 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện Q; Trích lục sơ đồ thửa đất; sơ đồ hiện T vụ án do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Q lập và do các bị cáo tự mô tả (bút lục số 51; 142; 143-154); Lời khai của anh Trần Công V, sinh năm 1984; trú tại: thôn T, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình; cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Từ những chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để kết luận: Khoảng 21 giờ ngày 25/11/2020, tại nhà ông Phạm Văn B, sinh năm 1949 ở thôn T, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình hiện do Phạm Văn D trông coi, quản lý, Nguyễn Văn X, Bùi Thanh T, Phạm Hồng P và Phạm Văn Đ đã cùng thực hiện hành vi đánh bạc được thua bằng tiền, dưới hình thức đánh “phỏm” đến 23 giờ cùng ngày bị Công an huyện Q phát hiện bắt quả tang, thu giữ số tiền đánh bạc là 6.980.000 đồng và 150.000 đồng tiền hồ, 01 bộ bài tứ lơ khơ 52 lá, 01 chiếu cỏi cũ. Phạm Văn D không đánh bạc nhưng do muốn thu lợi bất chính (tiền ù) nên đã gọi điện tìm người đến đánh bạc, chuẩn bị công cụ (bộ bài) và sử dụng nhà của ông Phạm Văn B đang do mình quản lý cho các bị cáo ngồi đánh bạc. Do D không có tiền án, tiền sự về các hành vi đánh bạc, tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc; với số lượng 04 người đánh bạc, số tiền sử dụng đánh bạc dưới 20 triệu đồng nên D đồng phạm cùng các bị cáo về hành vi đánh bạc với vai trò của người giúp sức.

Hành vi nêu trên của các bị cáo X, P, T, Đ, D đã phạm vào tội “Đánh bạc”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình đã truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Điều 321. Tội đánh bạc - Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 3 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các T hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm:

a) Có tính chất chuyên nghiệp;

b) Tiền hoặc hiện vật dùng đánh bạc trị giá 50.000.000 đồng trở lên;

...

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”.

[3] Về tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của các bị cáo, thấy rằng: Hành vi đánh bạc dưới hình thức “đánh phỏm” nhằm sát phạt nhau bằng tiền của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự công cộng, làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh chính trị và an toàn xã hội tại địa phương, gây dư luận không tốt trên địa bàn nơi các bị cáo đang cư trú. Các bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, đều nhận thức rất rõ việc Nhà nước nghiêm cấm đánh bạc trái phép dưới mọi hình thức nhưng vì động cơ tư lợi mà vẫn bất chấp pháp luật, thực hiện tội phạm với lỗi cố ý. Do đó, cần phải lên một mức án phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội cũng như vai trò, nhân thân của từng bị cáo để giáo dục các bị cáo ý thức tuân thủ pháp luật và đấu tranh phòng chống tội phạm chung trong xã hội.

Xét về tính chất vụ án và vai trò của từng bị cáo thấy: Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, giữa các bị cáo không có việc câu kết chặt chẽ, không có ai đứng ra cho vay hay cầm cố tài sản, không phân công người canh coi, cảnh giới. Loại tội phạm mà các bị cáo cùng nhau thực hiện thuộc loại tội phạm ít nghiêm trọng, trong đó xác định:

- + Bị cáo Phạm Văn D tuy không đánh bạc nhưng để thu tiền hồ bị cáo đã giúp sức các bị cáo khác về địa điểm đánh bạc, rủ rê các bị cáo khác phạm tội, chủ động gọi điện cho các bị cáo khác đến đánh bạc chuẩn bị công cụ (bộ bài) và sử dụng nhà của ông Phạm Văn B đang do mình quản lý cho các bị cáo ngồi đánh bạc nên giữ vai trò cao nhất trong vụ án.

- + Bị cáo Phạm Hồng P là người thực hành tích cực tham gia đánh bạc với số tiền nhiều nhất 3.500.000 đồng nên giữ vai trò thứ hai;

- + Bị cáo Bùi Thanh T tham gia đánh bạc số tiền ít hơn (2.500.000 đồng) là người dùng chiếc chiếu cói có sẵn ở trên giường trải xuống giữa nền phòng, là người cầm bộ bài tú lơ khơ lên nói “đánh phỏm nhé” nên giữ vai trò thứ ba;

- + Bị cáo Phạm Văn Đ đánh bạc số tiền ít hơn 2 bị cáo P, T (1.500.000 đồng) nên giữ vai trò thứ tư;

- + Bị cáo Nguyễn Văn X đánh bạc số tiền ít nhất (600.000 đồng) nên giữ vai trò thấp hơn các bị cáo khác.

[4] Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và phân tích căn cứ quyết định hình phạt đối với các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy:

[4.1] Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo đều không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

[4.2] Về nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ:

Các bị cáo Nguyễn Văn X, Phạm Hồng P, Bùi Thanh T, Phạm Văn Đ và Phạm Văn D được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “*Người phạm tội thành khẩn khai báo*”, quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo Nguyễn Văn X, Bùi Thanh T, Phạm Văn Đ, Phạm Văn D được áp dụng tình tiết

giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “*Phạm tội lần đầu và thuộc T hợp ít nghiêm trọng*”, quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bố đẻ các bị cáo Nguyễn Văn X, Bùi Thanh T là người có công được Nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến; bị cáo X tham gia lực lượng Công an viên Công an xã A, được Bộ trưởng Bộ Công an tặng Kỷ niệm chương bảo vệ an ninh tổ quốc; bị cáo Nguyễn Văn X và Phạm Văn D có thời gian tham gia quân đội nên các bị cáo X, T, D còn được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4.3] Về quyết định hình phạt:

+ Bị cáo Phạm Văn D giữ vai trò cao nhất trong vụ án, nhưng bị cáo có nhân thân tốt, còn bị cáo Phạm Hồng P có số tiền đánh bạc nhiều nhất, bị cáo có nhân thân xấu (01 lần bị Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử; 01 lần bị Công an huyện Q xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc) do vậy bị cáo P và bị cáo D phải chịu mức án bằng nhau. Đối với bị cáo Phạm Hồng P, chỉ có 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, có nhân thân xấu, nên cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mới có tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo. Đối với bị cáo Phạm Văn D, phạm tội ít nghiêm trọng có nhân thân tốt, có 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; 01 tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, có nơi cư trú rõ ràng nên không cần phải bắt bị cáo phải chấp hành hình phạt tù chỉ cần áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự cho bị cáo hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách đối với bị cáo là phù hợp với quy định của pháp luật và ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

+ Bị cáo Bùi Thanh T tham gia đánh bạc với số tiền là 2.500.000 đồng, vai trò thấp hơn bị cáo D, P nên bị cáo chịu hình phạt thấp hơn. Bị cáo có nhân thân tốt, thành khẩn khai báo, phạm tội lần đầu, thuộc T hợp ít nghiêm trọng có nhiều tình tiết giảm nhẹ. Bị cáo cũng có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết phải cách ly khỏi xã hội mà chỉ cần áp dụng hình phạt Cải tạo không giam giữ theo Điều 36 Bộ luật Hình sự cũng đủ cải tạo, giáo dục bị cáo là phù hợp với quy định của pháp luật và ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Bị cáo nghề nghiệp không ổn định, thu nhập thấp, các con còn nhỏ là lao động chính nên không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

+ Bị cáo Phạm Văn Đ, Nguyễn Văn X có số tiền đánh bạc ít, vai trò không lớn, phạm tội ít nghiêm trọng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết phải cách ly khỏi xã hội chỉ cần áp dụng Điều 35 Bộ luật Hình sự xử phạt tiền đối với các bị cáo là phù hợp với quy định của pháp luật và ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

+ Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo phạm tội nhằm mục đích thu lợi bất chính nên Hội đồng xét xử cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền theo quy định tại

khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Phạm Văn D, Phạm Hồng P, Bùi Thanh T. Đối với các bị cáo Phạm Văn Đ và Nguyễn Văn X do đã áp dụng hình phạt chính là hình phạt tiền nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền với các bị cáo.

[5] Về xử lý vật chứng: Trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu 01 bộ bài tú lơ khơ gồm 52 lá; 01 chiếc cối cũ giá trị sử dụng không đáng kể là công cụ các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc cần tịch thu tiêu hủy; Số tiền 7.130.000 đồng là số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước. Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu đen, lắp sim thuê bao số 0977126450 quản lý của bị cáo Nguyễn Văn X; 01 điện thoại nhãn hiệu HuaWei màu xanh, lắp sim thuê bao số 0915796622 quản lý của bị cáo Phạm Văn D; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6Plus màu hồng, lắp sim thuê bao số 0983682896 quản lý của bị cáo Bùi Thanh T; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A6, lắp sim thuê bao số 0969356078 quản lý của Phạm Hồng P. Các bị cáo X, D, T, P sử dụng điện thoại và sim số liên lạc đến để đánh bạc nên cần tịch thu hóa giá nộp ngân sách nhà nước đối với 04 điện thoại nêu trên; đối với các sim số quản lý của các bị cáo cần tịch thu tiêu hủy. Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia bàn phím màu đen, lắp sim thuê bao số 0975405507 của anh Trần Công V, do anh V1 không đồng phạm với các bị cáo về việc đánh bạc nên cần trả lại cho anh V.

[6] Địa điểm các bị cáo đánh kết quả điều tra xác định ngôi nhà các bị cáo đánh bạc là nhà của ông Phạm Văn B, sinh năm 1949 nhưng hiện đã cắt khẩu chuyển đến Thành phố Hà Nội sinh sống hơn 20 năm. Hiện nay ngôi nhà được ông B nhờ Phạm Văn D trông coi, quản lý. Do vậy, Cơ quan điều tra không xem xét trách nhiệm của ông B là có căn cứ. Đối với anh Trần Công V có mặt tại thời điểm xảy ra vụ án, kết quả điều tra xác định khi đến anh V1 ngồi ghế phía sau bị can T xem, không tham gia đánh bạc. Vì vậy, không đủ căn cứ kết luận anh V1 đồng phạm với các bị cáo về tội đánh bạc.

[7] Về án phí và quyền kháng cáo: Các bị cáo có nghĩa vụ nộp án phí hình sự sơ thẩm; các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn X, Phạm Hồng P, Bùi Thanh T, Phạm Văn Đ, Phạm Văn D phạm tội “Đánh bạc”.

2. Hình phạt:

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 50; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Phạm Hồng P 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án được trừ đi 03 ngày bị tạm giữ (26/11/2020-29/11/2020). Phạt bổ sung bị cáo P số tiền 10.000.000đ (*mười triệu đồng*) để nộp ngân sách nhà nước.

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 17, 50, 58; khoản 1, khoản 2 Điều 65 Bộ luật Hình; xử phạt bị cáo Phạm Văn D 09

(chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (11/3/2021). Giao bị cáo Phạm Văn D cho Ủy ban nhân dân xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. T hợp có thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách nếu cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Phạt bổ sung bị cáo Phạm Văn D số tiền 10.000.000đ (*mười triệu đồng*) để nộp ngân sách nhà nước.

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 17, 50, 58, 36 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Bùi Thanh T mức án 01 (một) năm 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ được trừ đi thời gian đã bị tạm giữ 03 ngày (*từ 26/11/2020 đến 29/11/2020*) bằng 09 ngày cải tạo không giam giữ, thời gian còn phải chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ là 01 (một) năm 05 (năm) tháng 21 (hai mươi một) ngày, thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình nhận được bản án và quyết định Thi hành án. Giao bị cáo Bùi Thanh T cho Ủy ban nhân dân xã A giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo T. Phạt bổ sung bị cáo Bùi Thanh T số tiền 10.000.000đ (*mười triệu đồng*) để nộp ngân sách nhà nước.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; các Điều 17, 50, 58, 35 Bộ luật Hình sự ; xử phạt bị cáo Phạm Văn Đ số tiền 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng).

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 17, 50, 58, 35 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Văn X số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

3. Về xử lý vật chứng:

Áp dụng Khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; Khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

- Tịch thu để tiêu huỷ vật chứng gồm: 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân, 01 chiếc cối đã cũ; sim số 0977126450; sim số 0915796622; sim số 0983682896; sim số 0969356078 không còn giá trị sử dụng.

- Tịch thu số tiền 7.130.000 đồng các bị cáo sử dụng đánh bạc để nộp ngân sách nhà nước. Tịch thu hóa giá nộp ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu đen; 01 điện thoại nhãn hiệu HuaWei màu xanh; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6Plus màu hồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A6.

- Trả lại cho anh Trần Công V 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia bàn phím màu đen, lắp sim thuê bao số 0975405507.

(*Các vật chứng trên có đặc điểm chi tiết theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 33 lập hồi 10 giờ 00 phút ngày 02/02/2021 giữa Công an huyện Q và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ*).

4. Về án phí: Áp dụng Khoản 2 Điều 135, Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Các bị cáo Nguyễn Văn X, Phạm Hồng P, Bùi Thanh T, Phạm Văn Đ, Phạm Văn D mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (11/3/2021)/.

Nơi nhận:

- Các bị cáo;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- VKSND huyện Quỳnh Phụ; VKSND tỉnh Thái Bình;
- Công an huyện Quỳnh Phụ;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ;
- Ủy ban nhân dân xã A;
- TAND tỉnh Thái Bình;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Quốc Doanh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà